TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2026/DS-PT
Ngày: 03 tháng 9 năm 2026
V/v tranh chấp QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Ông Hoàng Anh Tuấn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lao Thị Hồng Hoài - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lương Dương Tùng Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 8 và ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 95/2026/TLPT-DS ngày 22/7/2026 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lộc Văn T, sinh năm 1969 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Xóm T, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Ông Lộc Văn T1, sinh năm 1957 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Xóm T, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị D, sinh năm 1961; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Xóm T, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Xóm T, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lộc Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Lộc Văn T trình bày:

Năm 2018, ông Lộc Văn T, bà Nguyễn Thị H là vợ ông T có nhận chuyển nhượng một phần thửa đất số 114 tờ bản đồ số 02 xã T của ông Lộc Văn T1. Thoả thuận diện tích khoảng 360m^2, chiều dài tính từ quốc lộ 3c vào 72m, chiều rộng sau khi san xuống là 5m, giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng, có viết giấy chuyển nhượng ngày 10/8/2018 giữa ông Lộc Văn T1, Lộc Văn T. Sau khi thoả thuận xong, ông T1 đến UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đề nghị tách thửa. Năm 2019, sau khi có kết quả tách thửa, hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng cụ thể: chuyển nhượng thửa đất số 361, tờ bản đồ số 02, diện tích 401,3m^2, đất CLN tại địa chỉ xóm T, xã T, tỉnh Thái Nguyên theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 09/HĐCN ngày 22/02/2019. Ngày 05/4/2019, vợ chồng ông T, bà H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 013502 số vào sổ cấp GCN: CS504382. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T đã tiến hành múc đất, tạo mặt bằng một phần thửa đất 361. Tháng 9 năm 2024, do thiên tai, đất bị sạt lở, ông T tiến hành múc tiếp phần đất còn lại của thửa đất nêu trên nhưng bị ông T1 và bà D ngăn cản không cho múc đất. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông T1, bà D không được ngăn cản nhưng ông T1, bà D vẫn cố tình có những hành vi ngăn cản. Nay ông đề nghị ông T1, bà D trả lại đất theo đúng gianh giới thửa đất 361 theo bản đồ địa chính.

Bị đơn ông Lộc Văn T1 trình bày:

Năm 2018, ông có bán cho ông Lộc Văn T 1 phần thửa đất số 114, tờ bản đồ số 2 thuộc khu đồi Khẩu Tẩm tại xóm T, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Các bên thoả thuận và viết giấy chuyển nhượng đất đề ngày 10/8/2018, giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng, diện tích khoảng 360m^2, chiều dài 72m, chiều rộng 5m sau khi đã san đất tạo mặt bằng. Khi giao dịch, hai bên đã thống nhất và nhờ cán bộ địa chính xã T đến đo ranh giới, cụ thể:

Điểm 1: Cách tường bao trước nhà ông T cũ 5m87.

Điểm 2: Cách tường bao trước nhà ông T 10m40.

Điểm 3: Cách tường bao trước nhà ông T cách 11m10.

Điểm 4: Cách tường bao trước nhà ông T cũ 9m15.

Sau khi viết giấy, ông T đã giao cho ông T1 số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 14/8/2018, ông T1 gửi hồ sơ lên chi nhánh V đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nhưng bị trả lại do không đủ điều kiện thực hiện các thủ tục hành chính nên bị trả lại hồ sơ ngày 31/8/2018. Do chưa thống nhất về ranh giới giữa các hộ liền kề nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai yêu cầu các bên thống nhất ranh giới giữa đất với các hộ liền kề với nhau. Vì vậy, các bên đã đề nghị UBND xã T xác định ranh giới giữa các hộ liền kề với thửa đất chuyển nhượng, ông thừa nhận các biên bản ngày 08/10/2018 và ngày 18/12/2018 là đúng ý chí của ông, ông nhất trí chuyển nhượng cho ông T một phần thửa đất trên theo các điểm cụ thể tại biên bản thống nhất xác định ranh giới đất ngày 18/12/2018.

Trên căn cứ đó, ông đã gửi hồ sơ lên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đề nghị tách thửa. Tuy nhiên, quá trình đo, Chi nhánh văn phòng

đăng ký đất đai huyện Đ đo từ điểm mốc giới 1m77 trở vào, còn 4 điểm ngoài họ không đo theo yêu cầu của ông.

Năm 2019, ông được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lộc Văn T, ông đã ký nhận giấy trực tiếp và đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Ông thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đã ghi đúng thửa đất ông đã tách thửa, đúng diện tích đã chuyển nhượng giữa hai bên, tuy nhiên, ông không thừa nhận các vị trí theo bản đồ địa chính do ông không biết đối chiếu giữa bản đồ địa chính với thực địa. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông, ông T tiến hành san đất tạo mặt bằng làm nhà, ông tiến hành đóng cọc mốc các điểm theo hiện trạng như bản vẽ của đơn vị đo đạc năm 2025. Ông xác định từ năm 2019 đến nay ông và thành viên trong gia đình không ai có khiếu nại, không có ý kiến gì về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, năm 2024 ông T gọi người đến đo lại đất ông mới có ý kiến.

Nay ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Lộc Văn T. Đề nghị sử dụng đúng theo hiện trạng hiện nay. Đề nghị ông T không được múc đất của nhà ông. Tại phiên tòa ông xác định vị trí đất a, c, b, 15, 14, 13, 12, 11 công ty Hanland đo vẽ tháng 11/2025 là của gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà nhất trí với ý kiến của ông T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lộc Văn T1, bà Trần Thị D trả lại đất theo đúng gianh giới thửa đất 361 theo bản đồ địa chính.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D trình bày:

Bà D thừa nhận, năm 2018, ông T1 và ông T, bà H có thoả thuận mua bán đất đai với ông T1, bà được biết nội dung giao dịch, có được tham gia vào việc đo đạc tại thực địa theo 4 điểm tại biên bản thống nhất xác định ranh giới ngày 18/12/2018, bà xác định diện tích chuyển nhượng là 360m^2, không thừa nhận diện tích chuyển nhượng là 401,3m^2 do các bên khi thoả thuận chỉ chuyển nhượng chiều rộng 5m, chiều dài là 72m. Đề nghị Toà án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đề nghị ông T sử dụng diện tích đúng như biên bản thoả thuận về ranh giới có các điểm đã thống nhất. Tại phiên tòa, bà cũng thống nhất như ông T1 xác định vị trí đất a, c, b, 15, 14, 13, 12, 11 theo sơ đồ đo vẽ của công ty H1 là của gia đình ông bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DSST ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên đã quyết định:

Căn cứ: Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 177, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lộc Văn T đối với ông Lộc Văn T1 về việc yêu cầu trả lại diện tích đúng như ranh giới bản đồ địa chính thửa đất số 361 tờ bản đồ số 02 xã T, tỉnh Thái Nguyên;

2. Ông Lộc văn T, bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 361 tờ bản đồ số 02 xã T, tỉnh Thái Nguyên theo gianh giới 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 1 *(Theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất tháng 11/2025 do Công ty cổ phần Đ vẽ)*.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/6/2026, bị đơn ông Lộc Văn T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị đơn ông Lộc Văn T1 trình bày: Diện tích thỏa thuận chuyển nhượng là 360m^2, không nhất trí chuyển nhượng diện tích là 401,3m^2. Chiều rộng của thửa đất là 5m nhưng khi đo là 6,4m. Bản đồ đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng thực tế các mốc đã xác định, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng thực địa, cán bộ văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ không xuống đo đất. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn ông Lộc Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữa nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H nhất trí với ý kiến của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D nhất trí với ý kiến của ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến có quan điểm như sau:

- Về sự tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lộc Văn T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DSST ngày 16/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lộc Văn T1 đảm bảo về hình thức, làm trong hạn luật định, được miễn nộp tạm ứng án phí, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. *Về nội dung:*

Xét kháng cáo của bị đơn ông Lộc Văn T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Theo Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất (bút lục 68) và lời khai các bên đương sự, phần đất tranh chấp giữa ông Lộc Văn T và ông Lộc Văn T1 được xác định là thửa đất số số 361, tờ bản đồ số 02, diện tích 401,3m^2 địa chỉ tại xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xóm T, xã T, tỉnh Thái Nguyên), được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 1. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1, bà D xác định vị trí tranh chấp cụ thể theo các điểm a, c, b, 15, 14, 13, 12, 11, a (theo sơ đồ đo dạc của công ty H2).

[2.2]. Bị đơn ông Lộc Văn T1 cho rằng ông chỉ chuyển nhượng cho ông T 360m^2 đất theo Giấy chuyển nhượng đất ngày 10/8/2018 chứ không phải 401,3m^2 đất như trong GCNQSD đất đã cấp cho ông T và bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 10/8/2018, ông T1 và ông T lập "Giấy chuyển nhượng đất", thỏa thuận ông T1 chuyển nhượng cho ông T một phần thửa đất số 114, tờ bản đồ số 02, diện tích dự kiến khoảng 360m² với giá 300.000.000 đồng. Sau đó, ông T1 thực hiện thủ tục tách thửa; ngày 22/02/2019, ông T1 và ông T tiếp tục ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 09/HĐCN, xác định đối tượng chuyển nhượng là thửa đất số 361, tờ bản đồ số 02, diện tích 401,3m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, ngày 05/4/2019, ông T, bà H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 013502 đối với thửa đất nêu trên. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2026 (bút lục 85), ông T1 xác nhận: "*Tôi (ông T1) nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về đưa cho ông T. Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi số thửa 361 tờ bản đồ số 2, diện tích 401,3m^2, đất trồng cây lâu năm ... Khi đó các bên nhất trí, không ai có ý kiến gì.*" Như vậy, mặc dù diện tích và số thửa có thay đổi do việc tách thửa, nhưng các tài liệu, lời khai của các bên đều thể hiện thống nhất về quá trình hình thành, thực hiện giao dịch và xác định được cụ thể đối tượng chuyển nhượng là thửa 361, tờ bản đồ số 02, diện tích 401,3m².

Đối với việc bà Trần Thị D không ký các văn bản chuyển nhượng, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bà D thừa nhận biết và đồng ý việc ông T1 chuyển nhượng đất cho ông T, có mặt khi giao dịch và cùng ông T1 nhận tiền chuyển nhượng; sau đó cũng không có ý kiến phản đối mà còn cùng thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chuyển quyền (bà D là người trực tiếp liên hệ với bà H bảo bà H nộp tiền thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất). Do đó, có cơ sở xác định việc chuyển nhượng là ý chí thống nhất của vợ chồng ông T1, bà D. Ông T, bà H đã thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng, được giao đất và quản lý, sử dụng đất; cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện thủ tục đăng ký,

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H. Vì vậy, có căn cứ xác định giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lộc Văn T1 với ông Lộc Văn T, bà Nguyễn Thị H là có thật, đối tượng chuyển nhượng được xác định cụ thể và giao dịch được các bên tự nguyện thực hiện, phù hợp quy định pháp luật, làm phát sinh quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T, bà H đối với thửa đất số 361, tờ bản đồ số 02, diện tích 401,3m².

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1, bà D xác định vị trí tranh chấp theo các điểm a, c, b, 15, 14, 13, 12, 11, a (theo sơ đồ đo đạc của công ty H2) vị trí này sát đường 3c chứ không phải phần cuối đất và nếu trừ phần đất này đi thì chiều ngang mặt đường của thửa 361 chỉ còn 2m là không đúng với nội dung các bên đã thỏa thuận như vậy lời trình bày của ông T1, bà D không có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về hồ sơ cấp GCNQSD đất số CR 013502 đối với thửa đất số 361, tờ bản đồ số 02 cho ông Lộc Văn T và bà Nguyễn Thị H:

Theo Công văn số 6074/SNNMT-VPĐKĐĐ ngày 01/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh T và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguồn gốc thửa đất số 361 là một phần diện tích thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 02 đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 485489 ngày 30/11/2012 cho ông Lộc Văn T1. Sau khi thửa đất được đo đạc, tách thành thửa số 360 và thửa số 361, ngày 05/3/2019, cơ quan đăng ký đất đai tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lộc Văn T1 với ông Lộc Văn T và bà Nguyễn Thị H đối với thửa 361, diện tích 401,3m². Hồ sơ đã được kiểm tra, xác định đủ điều kiện, các bên thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và cơ quan đăng ký đất đai lập hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

Trên cơ sở đó, ngày 05/4/2019, ông Lộc Văn T và bà Nguyễn Thị H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 013502 đối với thửa đất số 361, tờ bản đồ số 02, diện tích 401,3m². Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh T cũng xác định việc cấp Giấy chứng nhận này được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đất đai.

Như vậy, có căn cứ để xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 013502 cấp cho ông Lộc Văn T và bà Nguyễn Thị H là hợp pháp.

[2.4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ, khách quan các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.5]. Tại giai đoạn phúc thẩm, ông T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Vì vậy, kháng cáo của ông T1 không có căn cứ cần bác kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 16/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

[2.6]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[2.7]. Về án phí: Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, do Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T1 thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lộc Văn T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 16/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

2. Về án phí: Ông Lộc Văn T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự."

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 4 - Thái Nguyên;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lý Thị Thúy